

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 tháng 7 năm 2022

“V/v không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Đung Knul.

2. Ông Nguyễn Đình Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:102/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “ Không công nhận vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Lê Văn Th – sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1990 tại Thôn 8, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên quá trình chung sống do không hiểu pháp luật hôn nhân nên bà B và ông Th không đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn.

Về con chung: có 03 con chung là Lê Thị Thúy H1 - sinh năm 1991; Lê Thị Thúy H2 - sinh năm 1994 và Lê Quốc H3 - sinh năm 1995.

Trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài không thể tiếp tục sống chung.

Nay bà B yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông Lê Văn Th.

Về con chung: các con chung đã thành niên (trên 18 tuổi) không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung hai người tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 13/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Văn Th trình bày:

Ông và bà B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1990 tại Thôn 8, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên quá trình chung sống do không hiểu pháp luật hôn nhân nên không đăng ký kết hôn.

Về con chung: có 03 con chung là Lê Thị Thúy H1 - sinh năm 1991; Lê Thị Thúy H2 - sinh năm 1994 và Lê Quốc H3 - sinh năm 1995.

Trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài không thể tiếp tục sống chung.

Ông cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: các con chung đã thành niên (trên 18 tuổi) không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung hai người tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đã được thụ lý và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn Th; về con chung: các con đã thành niên (trên 18 tuổi) không yêu cầu tòa án giải quyết, không đề cập;

Về tài sản chung: hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe nguyên đơn trình bày và yêu cầu, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Văn Th là quan hệ pháp luật yêu cầu không công nhận vợ chồng. Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn Th về chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Bà B và ông Th có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Nhà nước có chính sách khuyến khích đăng ký kết hôn nhưng bà B và ông Th vẫn không đăng ký là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặt khác, trong quá trình chung sống bà B và ông Th đều thấy tình cảm không còn, do tính tình không hợp, không hàn gắn được hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, bà B đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố “ Không công nhận vợ chồng”. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng” là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 03 con chung là Lê Thị Thúy H1 - sinh năm 1991; Lê Thị Thúy H2 - sinh năm 1994 và Lê Quốc H3 - sinh năm 1995, các con đã thành niên (trên 18 tuổi) không yêu cầu tòa án giải quyết, không đề cập;

[2.3] Về tài sản chung: hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn về nội dung vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn Th.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ-ST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST đã nộp theo biên lai số: 0002613 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện Buôn Đôn;
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã E B, huyện B.
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối